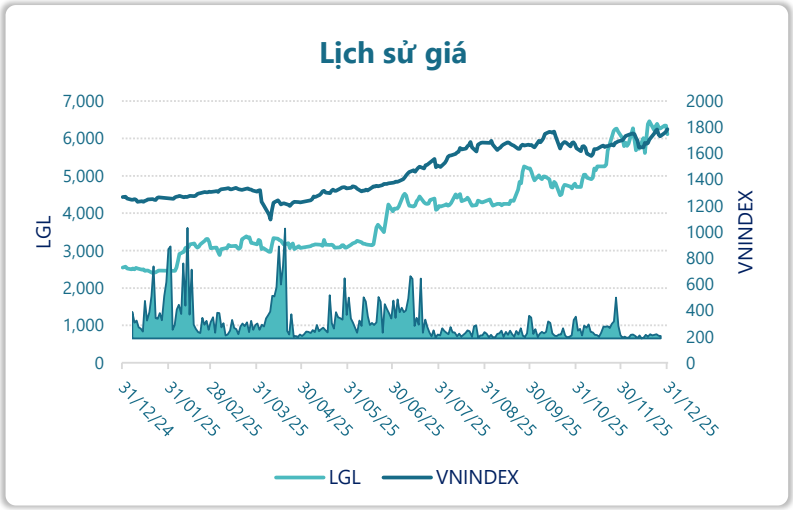
FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang (HSX: LGL)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,110**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,460
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,400
SL cổ phiếu LH	51,497,100
KLGD BQ 20 phiên (CP)	548,975
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	315
P/E	16.6
EPS	368

DT thuần

Q4/25

3.99

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.83| -31.4%

YoY: ▼13.3| -76.9%

LN sau thuế

Q4/25

16.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 20.3| 540%

YoY: ▲ 30.6| 217%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

97.9%

+/- YoY: ▲ 156%

DT thuần

2025

49.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.70| 10.4%

LN sau thuế

2025

18.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 74.4| 134%

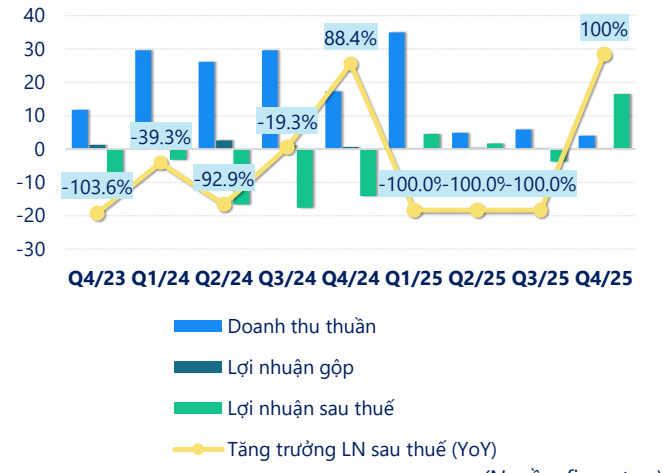
ROE

2025

2.8%

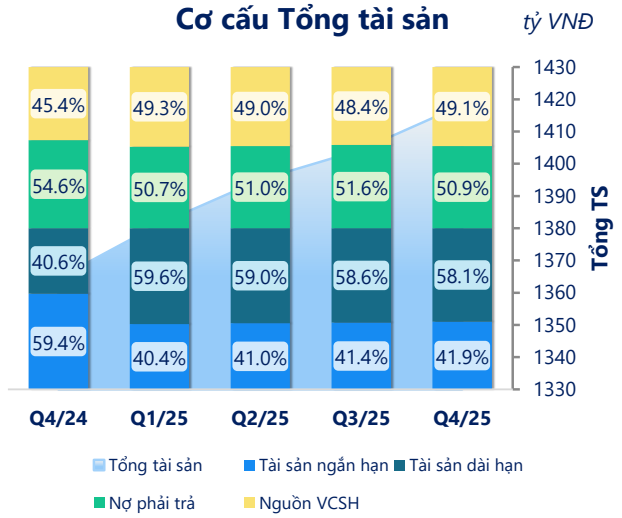
+/- YoY: ▲ 11.0%

Kết quả kinh doanh



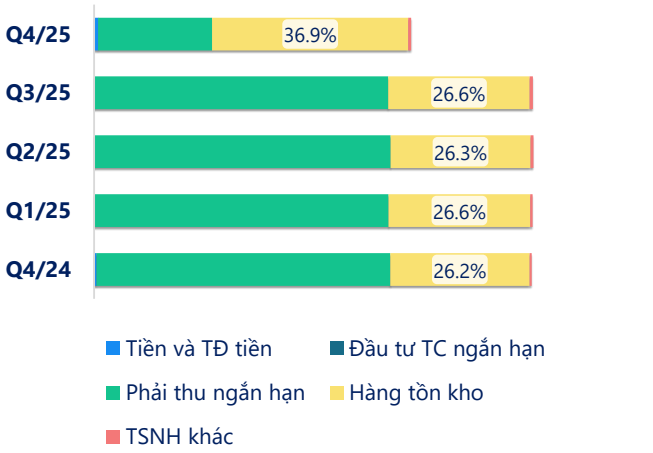
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



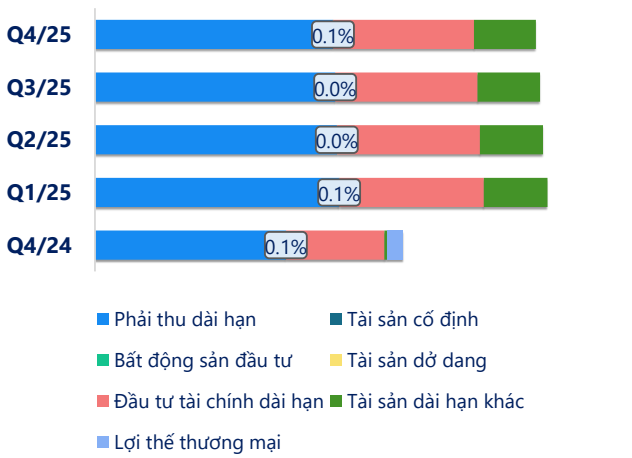
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



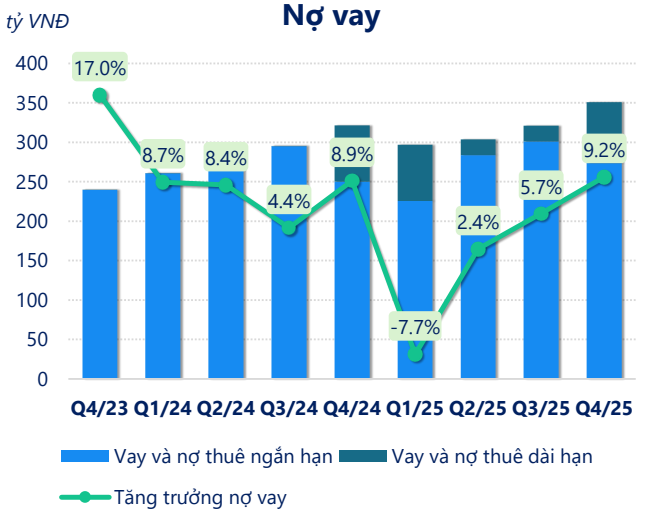
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



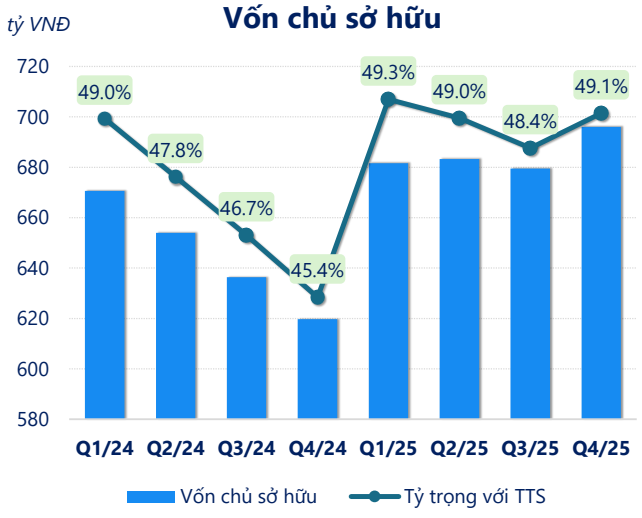
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



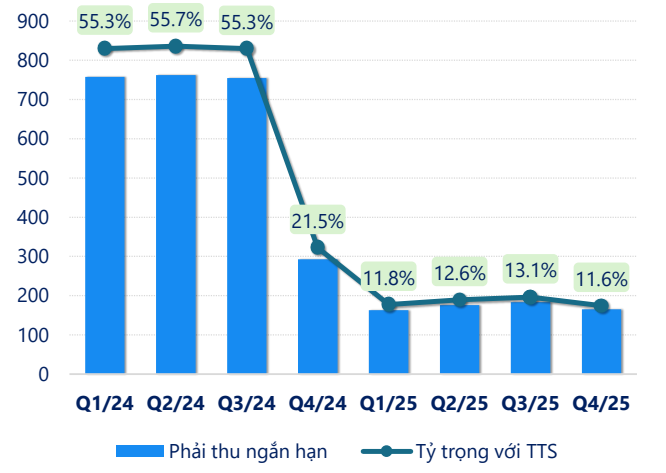
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



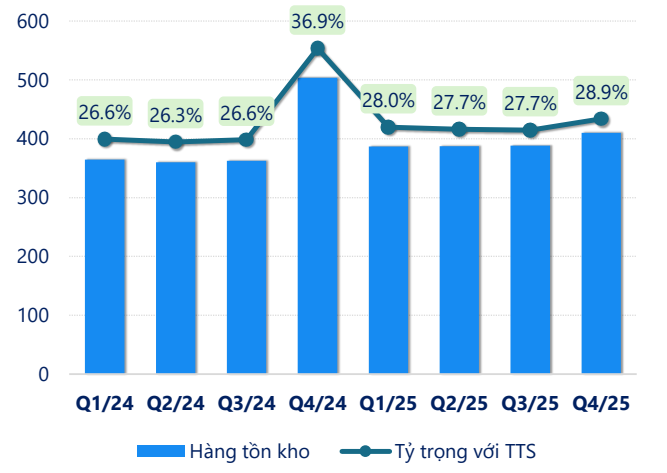
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



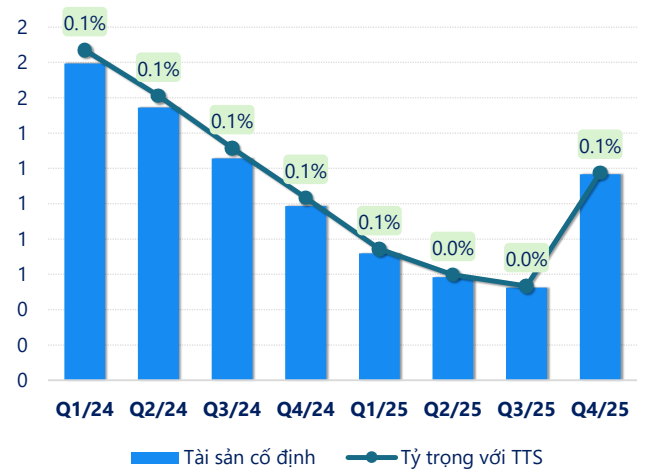
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



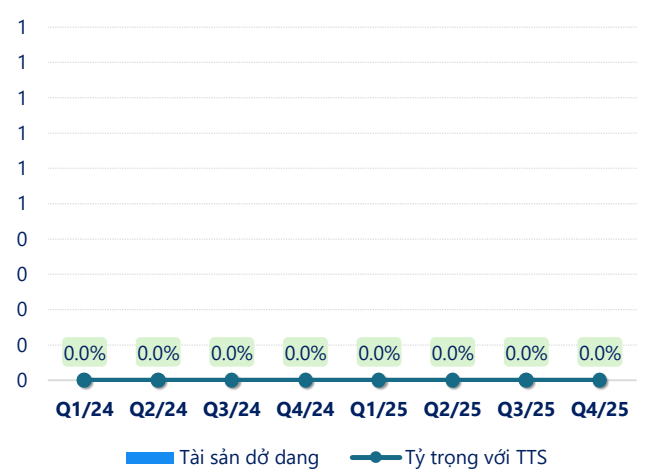
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



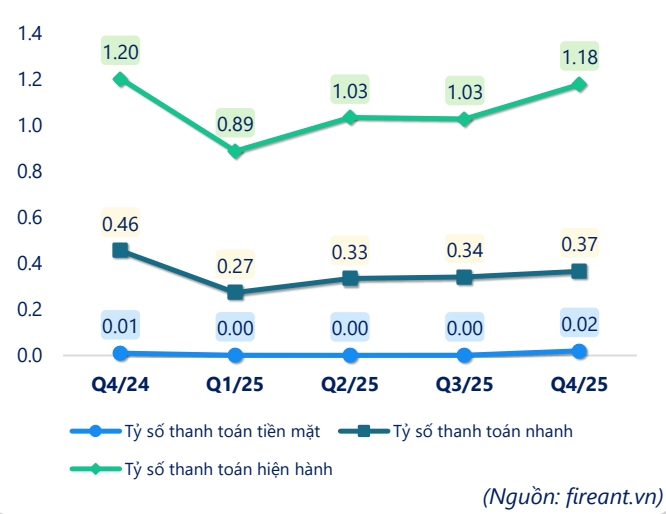
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



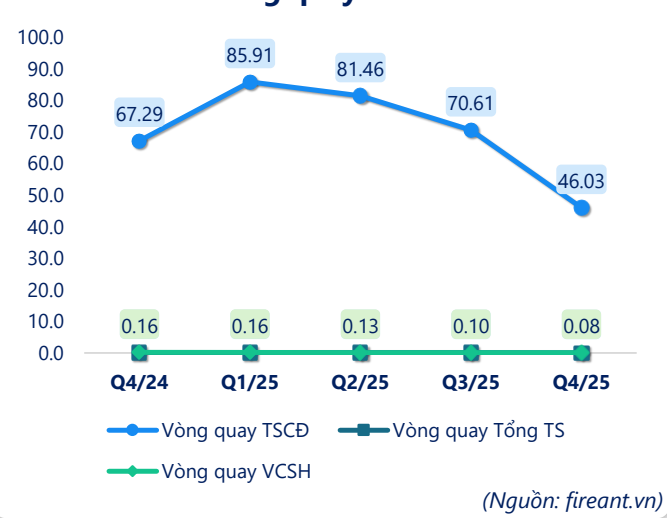
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,364**	**1,381**	**1,395**	**1,404**	**1,418**
Tài sản ngắn hạn	**811**	**559**	**572**	**582**	**595**
Tiền và tương đương tiền	6.74	0.95	0.48	0.68	10.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phải thu ngắn hạn	293	163	176	184	165
Hàng tồn kho	503	387	387	388	410
Tài sản ngắn hạn khác	7.59	7.99	8.61	9.17	9.73
Tài sản dài hạn	**554**	**823**	**823**	**823**	**823**
Phải thu dài hạn	342	444	444	444	444
Tài sản cố định	0.99	0.72	0.58	0.52	1.17
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	177	263	263	263	263
Tài sản dài hạn khác	5.30	116	116	116	116
Lợi thế thương mại	28.3	0	0	0	0
Nợ phải trả	**745**	**700**	**712**	**725**	**722**
Nợ ngắn hạn	**674**	**629**	**553**	**566**	**505**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	250	226	284	301	273
Phải trả người bán ngắn hạn	97.4	93.1	90.7	85.2	78.9
Nợ dài hạn	71.2	71.2	159	159	218
Vay và nợ thuê dài hạn	71.2	71.2	20.0	20.0	77.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	**620**	**682**	**683**	**679**	**696**
Vốn chủ sở hữu	**620**	**682**	**683**	**679**	**696**
Vốn điều lệ	515	515	515	515	515
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)